



Review Article

Policy and Legislations on Microplastics Pollution Management in Vietnam

Nguyen Trung Thang*, Duong Thi Phuong Anh, Nguyen Thi Ngoc Anh

*Institute of Strategy and Policy on Natural Resources and Environment,
479 Hoang Quoc Viet, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 31 March 2021

Revised 25 May 2021; Accepted 08 June 2021

Abstract: Plastic pollution has become a major global environmental problem. The amount of plastic waste, including microplastics discharged into the environment, is on the increase, causing harm to the environment, ecosystems, especially marine ecosystems, entering the food chain, and affecting human health. Recognizing the environmental risks of plastic waste, the State has issued many legal documents on plastic waste management such as the Law on Environmental Protection (2014, 2020); Law on Environmental Protection Tax 2010; National environmental protection strategy up to 2020, Vision 2030; National strategy on integrated solid waste management up to 2025, Vision 2050, among others. However, there are still many shortcomings to plastic waste management in Vietnam, e.g. there are no effective solutions in reducing, sorting, collecting, reusing, recycling and treating waste. More importantly, public awareness and understanding of microplastic pollution in Vietnam still need improving. Therefore, pollution caused by microplastics needs to be studied and evaluated in relation to its origin, current situation, impacts and management policies.

Keywords: Microplastics/microbeads, microplastic pollution, plastic waste management.

*Corresponding author.

Email address: ntthang@isponre.gov.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4302>

Thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý ô nhiễm vi nhựa tại Việt Nam

Nguyễn Trung Thăng^{1*}, Dương Thị Phương Anh¹, Nguyễn Thị Ngọc Ánh¹

Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường, 479 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 31 tháng 3 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 5 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 08 tháng 6 năm 2021

Tóm tắt: Ô nhiễm nhựa đã và đang trở thành vấn đề môi trường lớn trên toàn cầu. Lượng rác thải nhựa, trong đó có vi nhựa thải ra môi trường ngày càng tăng, gây tác hại đến môi trường, các hệ sinh thái, đặc biệt là hệ sinh thái biển, đi vào chuỗi thức ăn, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Nhận thức được nguy cơ đối với môi trường của rác thải nhựa, Nhà nước đã ban hành các văn bản quy định về quản lý rác thải nhựa như Luật Bảo vệ môi trường (2014, 2020); Luật Thuế bảo vệ môi trường 2010; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến 2020, tầm nhìn 2030; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến 2025, tầm nhìn 2050,... Tuy nhiên, quản lý rác thải nhựa ở Việt Nam còn nhiều bất cập, việc thực thi chưa triệt để, còn nhiều yếu kém; chưa có các giải pháp hiệu quả trong việc giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý. Đặc biệt, nhận thức, hiểu biết về ô nhiễm vi nhựa ở Việt Nam còn nhiều hạn chế. Do đó, ô nhiễm do các hạt vi nhựa cần phải được nghiên cứu, đánh giá về nguồn gốc, thực trạng phát sinh, các tác động và chính sách quản lý.

Từ khóa: vi nhựa, ô nhiễm vi nhựa, quản lý rác thải nhựa

1. Mở đầu

Vi nhựa (Microplastics/microbeads) là những mảnh nhựa có hình dạng khác nhau: dạng sợi, dạng mảnh, dạng hạt, viên nhỏ,... và có kích thước rất nhỏ bé, khó có thể quan sát bằng mắt thường. Đến nay, chưa có định nghĩa thống nhất chính thức về kích thước vi nhựa, nhưng có thể coi vi nhựa là những mảnh nhựa có kích thước nhỏ hơn 5mm [1-2].

Hai loại vi nhựa đang gây ô nhiễm đại dương thế giới là vi nhựa sơ cấp và vi nhựa thứ cấp:

- *Vi nhựa sơ cấp* (nguyên phát) là những hạt nhựa nhỏ thải trực tiếp ra môi trường, có thể được chủ ý sử dụng trong các sản phẩm như mỹ phẩm, chất tẩy rửa. Chúng cũng có thể phát sinh

do sự mài mòn của lốp xe hoặc hàng dệt may trong quá trình giặt.

- *Vi nhựa thứ cấp* (thứ phát) là vi nhựa có nguồn gốc từ sự phân hủy của các mảnh nhựa lớn thành các mảnh nhựa nhỏ hơn [3]. Theo thời gian, dưới tác động của các quá trình vật lý, hóa học và sinh học có thể làm giảm tính toàn vẹn cấu trúc các mảnh vụn nhựa, dẫn đến sự phân mảnh.

Phần lớn vi nhựa sơ cấp (98%) phát sinh từ các hoạt động trên đất liền và chỉ 2% được tạo ra từ các hoạt động trên biển. Vi nhựa sơ cấp phát sinh từ một số nguồn chiếm ưu thế bao gồm: hạt/viên nhựa, dệt may tổng hợp, bào mòn lốp xe, vạch kẻ đường, lớp phủ hàng hải, các sản phẩm chăm sóc cá nhân, bụi đô thị. Các nguồn này xuất phát từ các hoạt động thương mại hoặc

*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ntthang@isponre.gov.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4302>

sinh hoạt cả trên đất liền và trên biển [3]. Khoảng 87% vi nhựa sơ cấp phát sinh từ 03 hoạt động: mài mòn lốp xe, giặt quần áo và bụi đô thị. Ước tính có khoảng 48% vi nhựa sơ cấp (~1,5 triệu tấn/năm) được thải ra các đại dương, 52% còn lại được giữ lại trong đất hoặc bùn thải [4].

Vi nhựa là một loại rác thải gây ô nhiễm môi trường sống, khi đi vào nguồn nước, vì đặc tính không tan và khó phân hủy nên có hàng nghìn phân tử hạt vi nhựa bị tích lại trong cơ thể thực vật, động vật theo chuỗi thức ăn. Việc sử dụng các sinh vật biển và sản phẩm từ biển có chứa hạt vi nhựa (thậm chí cả trong muối ăn) làm thức ăn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người. Mặc dù có bằng chứng rõ ràng con người tiếp xúc với vi nhựa thông qua thực phẩm và sự có mặt của vi nhựa trong hải sản có thể đe dọa an toàn thực phẩm nhưng hiểu biết về phản ứng và độ độc hại của vi nhựa trong cơ thể người vẫn là một khoảng trống lớn. Hạt vi nhựa cũng có thể mang theo vi sinh vật gây bệnh (vi khuẩn, virút) có khả năng gây hại cho hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản và sức khỏe con người [5]. Ngoài ra, vi nhựa cũng gây thiệt hại về thu nhập cho một số ngành kinh tế như khai thác thủy, hải sản.

Ô nhiễm vi nhựa (microplastics pollution) ở các đại dương, vùng biển thay đổi theo khu vực địa lý trên toàn cầu, cao nhất là ở Ấn Độ Dương - Nam Á, sau đó ở Châu Âu và các khu vực khác [6]. Ở Việt Nam, bước đầu đã có các nghiên cứu xác định, phân tích nguồn gốc phát sinh và sự tồn tại của vi nhựa trong môi trường, chủ yếu được thực hiện với môi trường nước và trầm tích đáy biển, cũng như đã có một số chính sách, pháp luật đề cập đến việc quản lý rác thải nhựa, bao gồm vi nhựa và ô nhiễm vi nhựa. Tuy nhiên, chưa có đánh giá tổng thể về nguồn phát sinh (từ các sản phẩm tẩy rửa, mỹ phẩm, hoạt động giặt là, dệt may, giao thông, v.v) và thực trạng vi nhựa trong môi trường (đất, nước, không khí) tại Việt Nam.

Bài viết này giới thiệu kết quả đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về quản lý ô nhiễm vi nhựa ở Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp tăng cường quản lý vi nhựa và ô nhiễm vi nhựa.

2. Thực trạng chính sách, pháp luật liên quan đến quản lý ô nhiễm vi nhựa ở Việt Nam

2.1. Khái quát về quản lý rác thải nhựa và vi nhựa ở nước ta và trên thế giới

Vấn đề quản lý rác thải nhựa đã được Việt Nam quan tâm và thể hiện trong các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020 [7], Luật Thuế BVMT năm 2010 [8] và các văn bản thực thi dưới Luật. Hoạt động kiểm soát nguồn gây ô nhiễm vi nhựa thứ cấp được gián tiếp thể hiện qua các chính sách giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa. Kiểm soát ô nhiễm vi nhựa trong sản phẩm, hàng hóa (vi nhựa sơ cấp) lần đầu được đề cập trong Khoản 7, Điều 73 của Luật BVMT (2020); Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa [9]; Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 [10]; Quyết định số 2395/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa và Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 [11], v.v.

Luật BVMT (2020) và Chỉ thị số 33/CT-TTg yêu cầu xây dựng lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa (hóa mỹ phẩm, may mặc, phân bón). Quyết định số 1746/QĐ-TTg đề ra nhóm nhiệm vụ, giải pháp: (i) Tăng cường kiểm soát, quản lý việc xả thải vào nguồn nước và có biện pháp xử lý vi nhựa từ nước thải khu đô thị và khu công nghiệp, nhất là tại vùng ven biển, cửa sông, vùng biển ven bờ; (ii) Đánh giá các nguy cơ, rủi ro ô nhiễm và các tác động của rác thải nhựa, đặc biệt là vi nhựa đối với biển và đại dương, các hệ sinh thái biển, môi trường và sức khỏe con người.

Vấn đề BVMT không khí, quản lý, kiểm soát bụi, khí thải đã được quan tâm và luật hóa. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có quy định cụ thể nào đề cập đến vấn đề quản lý, kiểm soát vi nhựa trong không khí. Đối với sản phẩm, hàng hóa như mỹ phẩm đã có quy định về thành phần các chất không được phép sử dụng, nhưng không quy định cụ thể đối với thành phần vi nhựa. Đối với sản phẩm như bột giặt, lốp xe, sơn đã có các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định về chất lượng sản phẩm, nhưng lại không quy định thành phần cụ thể trong sản phẩm và chưa quan tâm đến vấn đề phát sinh vi nhựa sau khi sản phẩm được sử dụng.

Liên quan tới tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường, Việt Nam đã ban hành hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải như nước thải công nghiệp, nước thải công nghiệp dệt may, chất lượng không khí xung quanh. Các quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu nhựa nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cũng đã được ban hành. Tuy nhiên, trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật này cũng chưa quy định về các thông số vi nhựa.

Trong khi đó, trên thế giới đã có những nước ban hành quy định cấm sản xuất, sử dụng túi nhựa như Bangladesh và Rwanda, một số nước quy định độ dày của túi nhựa như Botswana, Trung Quốc, Ethiopia, Kenya, Nam Phi, Uganda. Nhiều nước đang áp dụng mức thuế BVMT cao đối với túi ni lông, cụ thể như: Anh: 15 cent/túi, tương đương 4.500 đồng/túi; Ailen: 15 cent/túi, tương đương 4.500 đồng/túi; Hồng Kông: 0,05 USD/túi, tương đương 1.050 đồng/túi. Các quốc gia khác cũng đánh thuế nhiều đồ dùng bằng nhựa khác nhau, ví dụ, Bỉ đánh thuế đối với màng nhựa và dụng cụ ăn uống dùng một lần năm 2007; Đan Mạch đánh thuế nhựa đối với túi và vật liệu đóng gói cũng như thuế đồ rác ở bãi rác hoặc đốt rác năm 1994; ở Đức, cửa hàng cung cấp túi nhựa phải đóng phí tái chế.

Về kiểm soát vi nhựa, ngày càng có nhiều nước đã có quy định cấm sản xuất một số sản phẩm có chứa vi nhựa như Hoa Kỳ, Canada,

Ailen, Thụy Điển, v.v. Hoa Kỳ đã ban hành lệnh cấm các loại hóa mỹ phẩm sử dụng vi nhựa từ năm 2015; năm 2017, Anh cũng đã đưa ra lệnh cấm sử dụng hạt vi nhựa trong kem đánh răng và chất tẩy rửa. Tại Đài Loan, từ năm 2018, không được sản xuất, phân phối các mặt hàng mỹ phẩm và hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân có chứa các hạt vi nhựa. I-ta-ly-a cấm bán các sản phẩm mỹ phẩm chứa hạt vi nhựa từ ngày 01/01/2020. Ngày 18/01/2019, Cơ quan Quản lý hóa chất Liên minh châu Âu (ECHA) cũng đã đề xuất cấm các hãng sản xuất bổ sung các hạt vi nhựa vào các sản phẩm như mỹ phẩm, chất tẩy và phân bón nông nghiệp từ năm 2020. Hiện nay, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) vẫn đang tiếp tục nỗ lực kêu gọi các quốc gia cấm sử dụng vi hạt nhựa trong các sản phẩm chăm sóc cá nhân và mỹ phẩm.

2.2. Đánh giá chung các chính sách, pháp luật quản lý ô nhiễm vi nhựa ở Việt Nam

2.2.1. Thành tựu cơ bản

- Nhận thức về sự cần thiết phải tăng cường quản lý rác thải nhựa nói chung và ô nhiễm vi nhựa nói riêng đã được nâng lên một bước.

Rác thải nhựa ở khắp mọi nơi và rất nguy hại, từ năm 2014 Việt Nam được cảnh báo nằm trong khu vực tập trung rác thải nhựa cao nhất toàn cầu. Để quản lý và giảm thiểu, trước hết phải thay đổi nhận thức của toàn hệ thống chính trị. Việt Nam đã tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và doanh nghiệp về rác thải nhựa dưới nhiều hình thức khác nhau. Tháng 6/2019, Thủ tướng Chính phủ đã phát động phong trào chống chất thải nhựa trên toàn quốc. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hỗ trợ, cùng chung tay thành lập “Liên minh chống rác thải nhựa”, Liên minh tái chế bao bì Việt Nam - PRO Vietnam. Đặc biệt triển khai mạnh mẽ ở cấp cộng đồng về tác hại của túi ni lông khó phân hủy, tổ chức các phong trào như “ngày không túi ni lông”; truyền đi những thông điệp như “nói không với túi ni lông”; triển khai phong trào chống rác thải nhựa,...

- Hệ thống chính sách về quản lý chất thải rắn nói chung và rác thải nhựa nói riêng được

ban hành và thực thi đạt những kết quả ban đầu quan trọng.

Các quy định về quản lý rác thải nhựa, bao gồm vi nhựa được đưa vào Luật BVMT (2020); cơ chế mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất (EPR) cũng đã được sửa đổi với việc bổ sung các loại bao bì nhựa. Bên cạnh đó, Luật Thuế BVMT (2010) đã quy định các cơ chế chính sách hạn chế sản xuất và sử dụng túi ni lông khó phân hủy; hỗ trợ sản xuất và khuyến khích tiêu dùng túi thân thiện với môi trường như miễn thuế BVMT; hỗ trợ vốn cho cơ sở sản xuất túi ni lông thân thiện với môi trường, v.v. Tính đến tháng 5 năm 2018, có 43 sản phẩm của 38 công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường.

Thời gian qua, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn tăng dần theo các năm, kéo theo lượng rác thải nhựa và túi ni lông cũng được thu gom, tái chế và xử lý nhiều hơn; lượng rác thải nhựa và túi ni lông được chôn lấp trực tiếp tại các bãi chôn lấp giảm dần (số lượng cơ sở xử lý chất thải bằng công nghệ đốt, tái chế tăng dần), v.v. Những điều nói trên đã góp phần hạn chế sự phát sinh vi nhựa trong môi trường.

- Hoạt động kiểm soát ô nhiễm vi nhựa bước đầu đã được quan tâm và thể chế hóa

Được quy định rõ trong Khoản 7, Điều 73 của Luật BVMT (2020) và một số văn bản khác, như: Chỉ thị số 33/CT-TTg, Quyết định số 1746/QĐ-TTg và Quyết định số 2395/QĐ-BTNMT. Các quy định pháp luật này được thực thi hiệu quả sẽ tạo ra sự chuyển biến mới trong quản lý và kiểm soát rác thải nhựa nói chung và vi nhựa nói riêng.

2.2.2. Bất cập, hạn chế chủ yếu

- Tồn tại một khoảng trống trong kiến thức, nhận thức và chính sách, pháp luật về quản lý ô nhiễm vi nhựa từ các nguồn sơ cấp.

Đến nay, ở nước ta chưa có các nghiên cứu sâu và các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiểm soát vi nhựa trong các sản phẩm, hàng hóa như mỹ phẩm, chất tẩy rửa, v.v. Chưa có các quy định pháp luật cụ thể về quản lý ô nhiễm vi nhựa có tính khả thi cao.

- Hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý rác thải nhựa, vi nhựa đang ngày càng hoàn thiện, nhưng quá trình thực thi trên thực tế còn nhiều vướng mắc, bất cập.

Luật BVMT sửa đổi năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022, nhưng hiện vẫn chờ các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Vẫn còn thiếu các cơ chế cụ thể về ưu đãi cho các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải; thiếu hướng dẫn triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm sau xử lý, v.v. Chưa có quy định về giảm thải từ các sản phẩm nhựa sử dụng một lần; việc phân loại chưa được triển khai thực hiện; việc tái chế rác thải nhựa chưa được triển khai một cách chính thức, chủ yếu vẫn do khu vực phi chính thức thực hiện.

- Các công cụ, cơ chế trong quản lý chất thải rắn nói chung, rác thải nhựa nói riêng chưa được áp dụng hiệu quả; còn nhiều vướng mắc, bất cập trong áp dụng thuế BVMT đối với túi ni lông và cơ chế EPR.

Thuế BVMT đối với sản phẩm túi ni lông được áp dụng từ năm 2010 với mức tính thuế là 50.000 đồng/kg. Tuy nhiên, do mức thuế còn thấp nên chưa tác động nhiều tới việc hạn chế sản xuất, sử dụng túi ni lông. Số thuế BVMT thu từ túi ni lông những năm qua là không đáng kể và giảm dần, sản phẩm túi ni lông vẫn được tiêu thụ rất nhiều với giá thành thấp do cơ sở sản xuất túi ni lông phần lớn (khoảng 70%) là cơ sở sản xuất nhỏ nộp thuế khoán, v.v. Về cơ chế EPR, việc thu hồi các sản phẩm trong danh mục thuộc Quyết định 16/QĐ-TTg [12] gần như chưa được triển khai trên thực tế. Nhiều công ty đã thiết lập các điểm thu hồi như LG, Toyota, Ford, Honda, Apple, Canon, Toshiba, Dell, HP, tuy nhiên mới mang tính hình thức với việc có công ty chỉ thiết lập 01-02 điểm thu hồi.

- Việt Nam đã có các quy định chung về quản lý ô nhiễm môi trường không khí nhưng chưa hiệu quả; ô nhiễm bụi đang ngày càng gia tăng làm trầm trọng thêm ô nhiễm vi nhựa. Ô nhiễm vi nhựa chưa được quan tâm nghiên cứu và quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và trong xử lý nước thải.

Mặc dù đã có các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật về quản lý môi trường không khí, chất lượng không khí ở các đô thị lớn đang tiếp tục suy giảm. Ô nhiễm bụi hiện đang là vấn đề nổi cộm trong đó chủ yếu từ các phương tiện giao thông vận tải, các hoạt động xây dựng và các cơ sở công nghiệp. Trong số này, bụi từ việc mài mòn lốp xe trong giao thông vận tải cũng góp phần làm gia tăng vi nhựa thải ra môi trường.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường đã được ban hành đối với chất lượng môi trường xung quanh và chất thải (nước thải, khí thải) một số ngành công nghiệp đặc thù. Tuy nhiên, thành phần vi nhựa cũng chưa được đề cập trong giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường này.

3. Đề xuất giải pháp chính sách quản lý ô nhiễm vi nhựa tại Việt Nam

Một số giải pháp chính sách đề xuất dưới đây nhằm phát huy các thành tựu ban đầu đạt được, đồng thời để khắc phục các rào cản, hạn chế trong thực thi chính sách, pháp luật của Việt Nam về quản lý ô nhiễm vi nhựa.

3.1. Hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý rác thải nhựa và vi nhựa

3.1.1. Về quản lý rác thải nhựa

- Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện hiệu quả Luật BVMT (2020) về quản lý rác thải nhựa và kiểm soát ô nhiễm vi nhựa.

Xây dựng lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa; hướng dẫn phân loại rác thải nhựa. Xây dựng quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với các loại bao bì, bao gồm bao bì nhựa. Nghiên cứu, xem xét, xây dựng quy định về việc hạn chế, tiến tới loại bỏ việc sản xuất, sử dụng nhựa quang hóa (oxo-plastic).

Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản

phẩm tái chế từ nhựa; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với xử lý vi nhựa trong nước thải, đối với túi ni lông thân thiện với môi trường.

Nghiên cứu, xây dựng cơ chế ghi nhãn (ghi rõ thành phần vi nhựa) để thúc đẩy sự lựa chọn tốt hơn cho người tiêu dùng; cơ chế cụ thể về ưu đãi cho các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải nhựa; hướng dẫn triển khai các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư, hỗ trợ tiêu thụ nguyên liệu nhựa sinh học, sản phẩm sau xử lý chất thải nhựa.

Nghiên cứu, hoàn thiện các công cụ kinh tế để giảm rác thải nhựa và vi nhựa: Điều chỉnh mức thuế BVMT đối với túi ni lông khó phân hủy; bổ sung thuế BVMT đối với sản phẩm nhựa sử dụng một lần phục vụ mục đích sinh hoạt; đánh thuế vào các sản phẩm trung gian như hạt nhựa; đánh thuế đối với các loại nhựa từ nguyên liệu gốc (virgin plastics) để thúc đẩy tái chế nhựa.

- Đưa nội dung quản lý chất thải nhựa và kiểm soát ô nhiễm vi nhựa vào các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển, hải đảo sửa đổi, vào các luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Lồng ghép nội dung phát triển kinh tế tuần hoàn, quản lý chất thải nhựa và kiểm soát ô nhiễm vi nhựa vào các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, đặc biệt là các quy hoạch liên quan, như: quy hoạch BVMT quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

3.1.2. Về quản lý chất lượng môi trường không khí

- Xây dựng các quy định, hướng dẫn và thực hiện kiểm kê các nguồn thải, đặc biệt chú trọng các nguồn gây ô nhiễm bụi và bụi mịn; xác định các nguồn ô nhiễm vi nhựa trong môi trường không khí.

- Lập và thực hiện kế hoạch quốc gia và cấp tỉnh về quản lý chất lượng môi trường không khí, đặc biệt chú trọng các đô thị lớn, các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí; chú trọng vấn đề kiểm soát ô nhiễm bụi.

- Xây dựng cơ chế, chính sách, lộ trình thúc đẩy phát triển giao thông công cộng, vận tải hành khách khối lượng lớn (MRT), xe buýt nhanh

(BRT), hạn chế sự gia tăng phương tiện giao thông cá nhân ở các đô thị lớn. Tăng cường xây dựng, mở rộng diện tích công viên, cây xanh, giảm thiểu ô nhiễm bụi, tiếng ồn trong các đô thị và khu dân cư.

- Nghiên cứu các vật liệu trong sản xuất lốp xe để giảm phát sinh vi nhựa từ bào mòn khi lưu thông. Thực hiện các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn ô nhiễm bụi từ mặt đường giao thông, v.v.

3.1.3. Về quản lý các sản phẩm hàng hóa

- Nghiên cứu, đưa nội dung về quản lý hàm lượng nhựa và kiểm soát ô nhiễm vi nhựa vào các quy định pháp luật về chất lượng hàng hóa, sản phẩm có liên quan.

- Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các loại sản phẩm, hàng hóa có chứa vi nhựa như các loại mỹ phẩm, chất tẩy rửa, sơn, v.v. Thúc đẩy thiết kế sản phẩm theo hướng tuần hoàn vật liệu.

3.2. Các giải pháp hỗ trợ thực thi pháp luật về kiểm soát ô nhiễm rác thải nhựa và vi nhựa

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của cộng đồng nhằm giảm thiểu việc thải bỏ rác thải nhựa, vi nhựa vào môi trường.

- Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý rác thải nhựa và vi nhựa.

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong quản lý rác thải nhựa, vi nhựa và sản xuất các nguyên liệu nhựa sinh học, sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về quản lý nhựa và vi nhựa.

4. Kết luận

- Cùng với tăng trưởng kinh tế, gia tăng dân số nhanh chóng, thì lượng rác thải nhựa, trong đó có vi nhựa ở nước ta ngày càng tăng trong khi công tác quản lý rác thải nhựa lại chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Quản lý rác thải nhựa, trong đó có vi nhựa, đã bước đầu được luật hóa trong Luật BVMT (năm 2020), nhưng các văn

bản hướng dẫn thực hiện Luật này vẫn đang trong quá trình xây dựng.

- Để kiểm soát ô nhiễm vi nhựa (sơ cấp và thứ cấp), có rất nhiều biện pháp được áp dụng từ phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh vi nhựa, rác thải nhựa đến xử lý rác thải nhựa, vi nhựa. Việc thực hiện tốt công tác phòng ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và xử lý rác thải nhựa sẽ giúp phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh vi nhựa thứ cấp. Về mặt vĩ mô, tổng thể, để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh vi nhựa, xu hướng hiện nay là chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Trong thời gian tới để nâng cao hiệu quả quản lý rác thải nhựa và vi nhựa hướng tới phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam, cần phải hoàn thiện chính sách, pháp luật về kiểm soát vi nhựa trong các sản phẩm, hàng hóa, về quản lý rác thải nhựa và vi nhựa từ giai đoạn sản xuất đến tiêu dùng và thải bỏ.

- Tăng cường và liên tục tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp nhằm thay đổi hành vi trong sản xuất, tiêu dùng và thải bỏ các sản phẩm nhựa, sản phẩm chứa vi nhựa, cũng như tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong quản lý chất thải nhựa và vi nhựa ở nước ta.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ministry of Natural Resources and Environment, WWF, Ocean Plastic Waste Record, 2020 (in Vietnamese).
- [2] C.M. Rochman, Microplastics Research-From Sink to Source, Science, Vol. 360, Issue 6384, 2019, pp. 28-29, <https://doi.org/10.1126/science.aar7734>.
- [3] J. Boucher, D. Friot, Primary Microplastics in the Oceans: A Global Evaluation of Sources, Gland, Switzerland: IUCN, 2017, 43 pp.
- [4] SAM, Microplastic Pollution: The Policy Context - Background Paper, The Scientific Advice Mechanism Unit of the European Commission, 2018, 68 p. Web Version.
- [5] P.J. Kershaw, Marine Plastic Debris and Microplastics - Global Lessons and Research to Inspire Action and Guide Policy Change, United Nations Environment Programme, Nairobi, 2016.

- [6] Y. Pico, D. Barcelo, Analysis and Prevention of Microplastics Pollution in Water: Current Perspectives and Future Directions, *ACS Omega* 2019, 4 (4), pp. 6709-6719, <https://doi.org/10.1021/acsomega.9b00222>.
- [7] National Assembly, Law on Environmental Protection, 2020 (in Vietnamese).
- [8] National Assembly, Law on Environmental Protection Tax, 2010 (in Vietnamese).
- [9] Prime Minister, Directive 33/CT-TTg dated August 20, 2020 on Strengthening Management, Reuse, Recycling, Treatment and Reduction of Plastic waste, 2020 (in Vietnamese).
- [10] Prime Minister, Decision No. 1746/QD-TTg dated December 4, 2019 on Promulgation of National Action Plan On Marine Plastic Waste Management to 2030, 2019 (in Vietnamese).
- [11] Ministry of Natural Resources and Environment, Decision No. 2395/QD-BTNMT dated October 28, 2020 Promulgating the Implementation Plan of Directive No. 33/CT-TTg dated August 20, 2020 of the Prime Minister on Strengthening Management and Reuse, Recycling, Treatment and Reduction of Plastic Waste and Decision No. 1746/QD-TTg dated December 4, 2019 of the Prime Minister on Promulgation of National Action Plan on Marine Plastic Waste Management by 2030, 2020 (in Vietnamese).
- [12] Prime Minister, Decision 16/QD-TTg dated May 22, 2015 Regulating Recall and Treatment of Discarded Products, 2015 (in Vietnamese).